# A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

# III. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

**5. Thủ tục công nhận lần đầu “Phường văn minh đô thị”, “Thị trấn văn minh đô thị” (đạt 02 năm liên tục)**

**5.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

| **TT** | **Trình tự****thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:** *Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau:* | 1. Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| 2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc *(không để quá 3 giờ làm việc)* hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |  |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | **08 ngày làm việc**, trong đó: |  |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ)* | *0,5 ngày* |  |
| *2. Giải quyết hồ sơ (cơ quan/bộ phận chuyên môn), trong đó:* | *7,5 ngày* |  |
| - Trường hợp thủ tục hành chính không quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, có liên quan, cán bộ, công chức, viên chức được giao xử lý hồ sơ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định; cập nhật thông tin vào Phần mềm một cửa điện tử; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. | *….. ngày* |  |
| - Trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến của các ngành liên quan. | *7,5 ngày* |  |
| + Chuyên viên *(tham mưu tổ chức họp thẩm định):*+ Lãnh đạo đơn vị:+ Văn thư đơn vị:+ UBND cấp huyện *(thẩm định, ký ban hành và chuyển đến bộ phận TN&TKQ):* | *03 ngày**01 ngày**0,5 ngày**03 ngày* |  |
| Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. | Trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc |  |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính***(Kết quả giải quyết thủ tục hành chính gửi trả cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đầy đủ theo quy định mà cơ quan có thẩm quyền trả cho tổ chức, cá nhân sau khi giải quyết xong thủ tục hành chính)* | Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:- Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả. - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của Bưu điện). | Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |

**5.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

*(theo Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận danh hiệu “Xã văn hóa nông thôn mới”, “Phường văn minh đô thị” và “Thị trấn văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 548/QĐ-UBND.HC ngày 12/6/2019 của UBND Tỉnh).*

**a) Thành phần hồ sơ bao gồm**:

- Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng “Phường văn minh đô thị”, “Thị trấn văn minh đô thị” của Ban Công tác “Xây dựng đời sống văn hóa – Đô thị văn minh” phường, thị trấn.

- Công văn đề nghị của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường, thị trấn.

**b) Số lượng:** 01 (Một) bộ.

**5.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Phường, thị trấn.

**5.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**5.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính và Giấy công nhận lần đầu (02 năm liên tục).

**5.6. Phí, lệ phí:** Không quy định tại các văn bản.

**5.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *(theo Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận danh hiệu “Xã văn hóa nông thôn mới”, “Phường văn minh đô thị” và “Thị trấn văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 548/QĐ-UBND.HC ngày 12/6/2019 của UBND Tỉnh).*

- Văn bản đề nghị của Uỷ ban nhân dân phường, thị trấn.

- Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng “Phường văn minh đô thị”, “Thị trấn văn minh đô thị”.

 **5.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** *(Đạt các tiêu chuẩn theo Quy định tiêu chuẩn và trình tự đánh giá, công nhận danh hiệu “Xã văn hóa nông thôn mới”, “Phường văn minh đô thị” và “Thị trấn văn minh đô thị” ban hành kèm theo Quyết định số 548/QĐ-UBND.HC ngày 12/6/2019 của UBND Tỉnh).*

***\* Điều kiện 1:***

*Tiêu chuẩn 1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương:*

- Phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo Quyết định số 612/QĐ-UBND-HC ngày 12/6/2017 của UBND Tỉnh ban hành Quy định xác định khóm, ấp, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"; xã đạt chỉ tiêu về "An ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên"; Huyện đạt tiêu chí "An ninh, trật tự".

- Có 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

- 100% khóm xây dựng và thực hiện tốt Quy ước; có Tổ Nhân dân tự quản hoạt động thường xuyên; thực hiện tốt công tác hòa giải, mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật.

- Tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội.

- Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế.

- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch được thực hiện theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.

*Tiêu chuẩn 2. Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch:*

- Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được công bố công khai rộng rãi.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 90% trở lên các công trình công cộng về hành chính, văn hóa - xã hội và hạ tầng cơ sở đô thị. Các công trình như: Cơ quan nhà nước, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, cầu, đường, điện, nước sạch, chợ phải được xây dựng, nâng cấp, cải tạo đạt từ 90% trở lên.

- Đạt 100% công trình công cộng xây mới (kể từ khi quy hoạch được phê duyệt) đúng quy hoạch, có kiến trúc hài hòa, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về xây dựng; phát huy vai trò tự quản cộng đồng trong việc thực hiện quy hoạch kiến trúc, xây dựng đô thị.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình công cộng trên địa bàn, phục vụ lợi ích công cộng; không lấn chiếm, sử dụng diện tích đất công và công trình công cộng vào mục đích thương mại, nhà ở.

*Tiêu chuẩn 3. Nâng cao chất lượng “Gia đình văn hóa”, “Khóm văn minh đô thị”:*

- Có 70% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” 03 năm liên tục trở lên.

- 60% trở lên nhà ở của người dân được xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang, làm đẹp kiến trúc đô thị.

- 80% trở lên khóm được công nhận "Khóm văn minh đô thị” 05 năm liên tục trở lên (tính cả danh hiệu Khóm văn hóa trước đây và danh hiệu Khóm văn minh đô thị từ năm 2015 về sau).

- 100% “Khóm văn minh đô thị” vận động được người dân tham gia bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị; đảm bảo vệ sinh môi trường; hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tham gia ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

- 80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa liên tục từ 05 năm trở lên.

*Tiêu chuẩn 4. Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị:*

- 80% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt các quy định hiện hành về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị.

- Không lấn chiếm lòng đường, lề đường, hè phố; không lấn chiếm lối thoát hiểm gây cản trở giao thông; không cơi nới, làm mái che, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị.

- Không để xảy ra các hoạt động văn hóa, văn nghệ, kinh doanh dịch vụ văn hóa nơi công cộng (trong gia đình, các đám tiệc, karaoke lưu động, kẹo kéo…) sử dụng âm thanh công suất lớn gây ồn ào ảnh hưởng đến xung quanh và bức xúc trong nhân dân.

- Đạt tỷ lệ cây xanh công cộng: Được trồng ở quảng trường, công viên, vườn hoa, vườn dạo… bao gồm cả diện tích mặt nước nằm trong các khuôn viên các công trình này và diện tích cây xanh cảnh quan ven sông được quy hoạch xây dựng thuận lợi cho người dân đô thị tiếp cận và sử dụng cho các mục đích luyện tập TDTT, nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn… theo mức đánh giá ≥ 4m2 /đầu người; Có hệ thống cấp nước, thoát nước và chiếu sáng đô thị hoạt động hiệu quả.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị (đạt 11%) theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường; có điểm thu gom rác thải theo quy định; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường và tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

- Xây dựng mối quan hệ cộng đồng thân thiện, đoàn kết giúp nhau “Giảm nghèo bền vững”; có hợp tác và liên kết phát triển kinh tế.

*Tiêu chuẩn 5. Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao:*

- Trung tâm Văn hóa – Học tập cộng đồng phường, thị trấn có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, ổn định về tổ chức, hoạt động thường xuyên hiệu quả, từng bước xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- 80% trở lên khóm có điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên; thu hút 50% các tầng lớp nhân dân tham gia.

- 100% khóm duy trì được phong trào sinh hoạt câu lạc bộ; tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh; Hàng năm, phường, thị trấn có tổ chức biểu diễn văn nghệ quần chúng và thi đấu các môn thể thao; tham gia các cuộc hội thi, hội diễn, liên hoan, hội thao do cấp trên tổ chức; có điểm đọc sách phục vụ cộng đồng.

- Bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.

***\* Điều kiện 2: Phường, thị trấn không vi phạm một trong các trường hợp sau:***

- Không đạt chỉ tiêu 19.2 về "An ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên"; phường, thị trấn không đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo Quyết định số 612/QĐ-UBND-HC ngày 12/6/2017 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh.

- Tỷ lệ hộ nghèo cao gấp đôi so với chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ địa phương đề ra.

- Để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Để xảy ra hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật hoặc khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Những phường, thị trấn không thực hiện đăng ký xây dựng “Phường văn minh đô thị”, “Thị trấn văn minh đô thị” từ đầu năm của giai đoạn công nhận lần đầu sẽ không được tổ chức đánh giá và công nhận đạt chuẩn vào cuối năm, cuối giai đoạn.

- Không xét đối với những phường, thị trấn có tổng điểm của mỗi tiêu chuẩn quy định dưới 50% số điểm tối đa.

***\* Điều kiện 3:*** Phường, thị trấn đạt danh hiệu “Phường văn minh đô thị”, “Thị trấn văn minh đô thị” 02 năm liên tục.

**5.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10/3/2013.

**5.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận** **lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 5.2.- Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.- Hồ sơ thẩm định.- Văn bản trình cơ quan cấp trên. | Phòng VH&TT cấp huyện | 20 nămLưu trữ theo quy định hiện hành |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính.  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND PHƯỜNG (THỊ TRẤN) …….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /UBND –V/v công nhận lần đầu “Phường văn minh đô thị” (“Thị trấn văn minh đô thị”) đạt 02 năm liên tục 20… - 20….. | *……………, ngày tháng năm*  |

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố)………

 Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND.HC ngày tháng năm của Uỷ ban nhân dân Tỉnh về việc ………… .

 Căn cứ báo cáo xây dựng danh hiệu “Phường văn minh đô thị” (“Thị trấn văn minh đô thị”) 02 năm liên tục (20…. – 20…) của Ban Công tác “Xây dựng đời sống văn hóa – Đô thị văn minh” phường (thị trấn) ………..

 Uỷ ban nhân dân phường (thị trấn)………… đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố)……………….công nhận phường (thị trấn) ……… đạt “Phường văn minh đô thị” (“Thị trấn văn minh đô thị”) 02 năm lần đầu giai đoạn 20…. – 20….. *(đính kèm các văn bản có liên quan)*./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. UBND PHƯỜNG (THỊ TRẤN)……****CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND PHƯỜNG (THỊ TRẤN) ……**BAN CÔNG TÁC XDĐSVH - ĐTVM**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BCT | *……………, ngày tháng năm*  |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả xây dựng “Phường văn minh đô thị” (“Thị trấn văn minh đô thị”)**

**phường (thị trấn)……………… 02 năm giai đoạn 20…. – 20…..**

 **I. THỰC TRẠNG:**

 Nêu thực trạng của phường (thị trấn) *(Khoản 1/4 trang giấy A4)*

 **II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:**

 Nêu các văn bản đã được quán triệt triển khai và các văn bản đã triển khai tại địa phương. *(Khoản 1/3 trang A4)*

 **III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:**

**1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương**

Nêu tóm tắt 06 nội dung trong Tiêu chuẩn thứ năm. *(Khoản 1/4 trang giấy A4)*

**2. Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch**

 Nêu tóm tắt 05 nội dung trong Tiêu chuẩn thứ nhất. *(Khoản 1/3 trang giấy A4)*

 **3. Nâng cao chất lượng “Gia đình văn hóa”; “Khóm văn minh đô thị”**

Nêu tóm tắt 05 nội dung trong Tiêu chuẩn thứ hai. *(Khoản 1/2 trang giấy A4)*

**4. Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị**

Nêu tóm tắt 05 nội dung trong Tiêu chuẩn thứ ba. *(Khoản 1/3 trang giấy A4)*

**5. Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao**

Nêu tóm tắt 03 nội dung trong Tiêu chuẩn thứ tư. *(Khoản 1/3 trang giấy A4)*

 **II. NHẬN XÉT:** *(Khoản 1/2 trang A4)*

**1. Mặt được**

Nêu tóm tắt một số thuận lợi, có so sánh với cùng kỳ năm trước.

**2. Hạn chế, tồn tại**

**3. Đề xuất, kiến nghị**

a) Đối với BCĐ cấp Tỉnh.

b) Đối với cấp huyện, thị xã, thành phố.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ:**

Chủ yếu xoay quanh 05 nội dung của các Tiêu chuẩn, tập trung bám vào Chương trình, Nghị quyết của Cấp ủy, chính quyền các cấp. *(Khoản 1 trang A4)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. BAN CÔNG TÁC PHƯỜNG (THỊ TRẤN) …….** **TRƯỞNG BAN** |